

Vài nét về hệ thống giáo dục của Nhật Bản và những cải cách hiện nay

TS. VŨ VĂN HÀ, CUNG HỮU KHÁNH

Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản và Hàn Quốc

Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Trong tình hình hiện nay, trước những tác động của xu thế toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nền giáo dục của các quốc gia trên thế giới nói chung và của Nhật Bản cũng như nước ta nói riêng đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Những kinh nghiệm về cải cách giáo dục của Nhật Bản có thể gợi mở cho những nhà quản lý và nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục nước ta những suy nghĩ, đóng góp cho công cuộc cải cách nền giáo dục nước nhà.

Năm 1945 nước Nhật bại trận, chính quyền cũ bị giải tán, chính quyền quân quản đồng minh đã thực hiện cải cách kinh tế-xã hội nói chung và hệ thống giáo dục trước chiến tranh của Nhật nói riêng. Năm 1947, Nhật Bản thông qua hai đạo luật: Luật giáo dục cơ bản và Luật giáo dục trường học quy định các nguyên tắc cơ bản của hệ thống giáo dục Nhật Bản trong suốt mấy thập kỷ qua. Theo các luật này, hệ thống giáo dục tiểu học là 6 năm, 3 năm phổ thông trung học bậc thấp và 3 năm trung học bậc cao, tiếp theo là 4 năm đại học. Nhà nước thực hiện giáo dục miễn phí cho trẻ từ 6 đến 15 tuổi (9 năm). Nhìn chung số học sinh học xong trung học bậc thấp đều tiếp tục học lên. Ngoài các trường cao đẳng và đại học, có không ít học sinh thi vào các trường dạy nghề.

Ở Nhật Bản, ngoài hệ thống trường quốc lập, những năm sau chiến tranh còn tiếp tục phát triển các trường tư thực ở tất cả các cấp học trong hệ thống giáo dục. Hơn 10 năm gần đây còn phát triển loại hình giáo dục từ xa, nhất là ở bậc đại học, cho

phép mọi người có thể tiếp tục học lên trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. Hệ thống giáo dục sau chiến tranh ở Nhật Bản mang đậm tính thực dụng, hướng tới tạo ra đội ngũ lao động có khả năng lập thân, cải tiến những thành quả khoa học và công nghệ bên ngoài cho phù hợp với đòi hỏi thực tiễn của Nhật. Cùng với giáo dục kiến thức khoa học, trong các nhà trường cũng nhấn mạnh tới giáo dục ý thức cộng đồng, tinh kỷ luật và ý chí. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình trong việc tạo điều kiện cho trẻ có điều kiện học tập tốt, tiếp thu kiến thức mới được thực hiện chặt chẽ thông qua hoạt động của hội cha mẹ học sinh. Bản thân chính phủ cũng ưu tiên đầu tư cho phát triển giáo dục, nhất là giáo dục phổ thông. Nếu năm 1960 đầu tư cho giáo dục của Nhật là 5% thu nhập quốc dân thì năm 1975 tăng lên 6,6%.

Trong quản lý hệ thống giáo dục, Nhật Bản thực hiện chế độ phi lập trường. Bộ giáo dục đóng vai trò là người điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực thi chế độ giáo dục. Còn bản thân các địa phương chịu trách

nhiệm chính. Các địa phương đều có ban giáo dục chịu trách nhiệm về ngân sách, chương trình giáo dục cụ thể trên cơ sở hệ bài giảng do Bộ giáo dục soạn chung. Hệ thống sách giáo khoa do ban giáo dục địa phương lựa chọn trong số sách đã được Bộ chấp thuận. Chính quyền địa phương bổ nhiệm các thành viên ban giáo dục của địa phương mình, ban này bổ nhiệm các cán bộ quản lý nhà trường và thực hiện giám sát các trường tiểu học, trung học bậc thấp. Chế độ giáo dục này đã góp phần đưa Nhật Bản trở thành một quốc gia có trình độ dân trí cao. Ngay từ những năm 70 đã có tới 90% người Nhật được nhận giáo dục hệ 12 năm. Số lao động trẻ có trình độ đại học ngày một tăng, nếu so sánh năm 1955 với năm 1975 thì số có trình độ đại học trong lực lượng lao động bổ sung tăng lên 20 lần. Hầu hết công nhân sản xuất vào đầu những năm 70 đã tốt nghiệp bậc cao trung. Chính thành quả của giáo dục đã góp phần đưa Nhật Bản trở thành siêu cường kinh tế thứ hai thế giới sau Mỹ vào đầu những năm 80. Tuy nhiên sau khi hoàn thành nhiệm vụ đuổi kịp phương Tây, từ cuối những năm 80 Nhật Bản đứng trước một thách thức mới - phải tìm đường đi tiếp cho mình. Trong khi đó bối cảnh quốc tế cũng đang có nhiều thay đổi, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, quá trình toàn cầu hoá kinh tế... cũng đặt ra yêu cầu mới cho nền giáo dục Nhật Bản. Và cũng từ đây những bất cập của nền giáo dục thực hiện ngày một rõ, chẳng hạn: Nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao, một mặt tạo ra sức mạnh tài chính, song cũng dẫn tới sự cạnh tranh trong thi cử, chầy trễ bằng cấp, làm lệch lạc ý nghĩa của thi cử. Sự chi phối của các yếu tố văn hoá, quá trình đô thị hoá, sự gia tăng của các gia đình hạt nhân và nhiều vấn đề khác đã tác động tới tâm lý và thể trạng, tinh thần học sinh, sinh ra nạn bạo lực học đường. Giáo dục gia đình giảm sút, phó mặc cho nhà trường, các cơn sốt học thêm, cạnh tranh gay gắt trong học tập gia tăng. Tình trạng chán, bỏ học, không chú trọng đạo

đức và tình yêu với con người, thiên nhiên, đất nước đang là những tồn tại phải xem xét. Theo giáo sư Kanda Yoshinobu (Đại học Kagoshima) thì trong giai đoạn hiện tại, thực trạng ở các trường đang có những mối lo ngại thực sự vì: "Sau khi phát triển thành cường quốc về kinh tế, xã hội Nhật Bản cũng biến thành xã hội tiêu thụ sản phẩm. Các trường công nghiệp và khoa học tự nhiên không còn hấp dẫn với giới trẻ Nhật Bản. Không thích, xa lánh khoa học tự nhiên trong trẻ em Nhật Bản trở thành vấn đề xã hội trầm trọng. Việc học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với lao động mất dần. Xu hướng vào muốn nhận nhà vào muốn có thu nhập ổn định ngày càng tăng trong giới trẻ. Rất nhiều thanh niên không muốn làm những công việc nặng nhọc. Lương giáo viên cao hơn hẳn so với lương các công chức trong xã hội nên các cuộc thi tuyển giáo viên cũng rất ngặt nghèo".

Trước tình hình đó, Nhật Bản đã đẩy mạnh chương trình cải cách giáo dục. Ngay trong những năm 90, Nhật đã triển khai cải cách theo hướng tăng cường tính linh hoạt và đa dạng trong đánh giá học sinh và coi việc cải cách giáo dục không chỉ đóng khung trong nhà trường, trong hệ thống giáo dục mà là công việc có phạm vi rộng của toàn xã hội. Mục tiêu cải cách của nền giáo dục Nhật Bản hiện nay là nhằm đạt tới những yêu cầu mới cơ bản sau:

Thứ nhất, xây dựng nền giáo dục toàn diện về nhân cách: Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục ở gia đình và ở nhà trường, tăng cường giáo dục nhân cách, quy tắc ứng xử xã hội, bồi dưỡng đạo đức, tình thương và bản sắc dân tộc cho học sinh trong bối cảnh của quá trình toàn cầu hoá mạnh mẽ hiện nay.

Thứ hai, thực hiện một chế độ giáo dục nhà trường có khả năng phát huy cá tính và tạo cho học sinh tự do chọn lựa những môn học và nơi học mình yêu thích.

Thứ ba, đẩy mạnh quá trình quốc tế hóa giáo dục thông qua tăng

cường áp dụng các công nghệ mới trong học tập và giảng dạy, tăng giờ học ngoại ngữ và văn hoá các quốc gia trên thế giới; thực hiện trao đổi, giao lưu học sinh và giáo viên giữa các trường.

Thứ tư, tiến hành cải cách giáo dục, phân quyền cho các địa phương tổ chức chỉ đạo việc dạy và học để phát huy tính độc lập tự chủ của cơ sở giáo dục ở từng địa phương. Năm 1998, Nhật Bản đã phê chuẩn một chương trình cải cách mà theo đó cắt giảm chương trình bắt buộc 30% và cho phép các trường có thể tự quyết định một số nội dung giảng dạy cho phù hợp. Thực hiện giảm số lượng học sinh trong mỗi lớp chỉ còn 20-25 em nhằm nâng cao hiệu quả học tập và giảng dạy.

Thứ năm, tiến hành công cuộc cải cách đại học và phát triển công tác nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực phân đấu, cạnh tranh với các quốc gia khác trên thế giới. Các trường đại học mở rộng việc tiếp nhận sinh viên nước ngoài. Việc tuyển sinh cũng có những cải tiến, một số trường chuyển sang thi điểm xét tuyển nhằm giảm nhẹ khâu thi cử.

Có thể thấy rằng, hiện nay trong xu hướng toàn cầu hoá và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, nền giáo dục của các nước trên thế giới đều phải đổi mới với những thách thức to lớn: Một mặt phải đổi mới để phù hợp với sự phát triển của xã hội, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao về tri thức ở mức chuẩn quốc tế. Mặt khác phải chú trọng đào tạo những con người có tri thức toàn diện, phát triển hài hoà trí - đức - thể - mỹ. Bên cạnh những vấn đề chung như vậy, cũng giống như Nhật Bản, nền giáo dục nước ta còn phải đổi mới với những vấn đề riêng mang tính đặc thù. Kể từ sau cuộc cải cách giáo dục năm 1981 sau gần 20 năm đổi mới, giáo dục phổ thông nước ta đã có những chuyển biến cả về quy mô và chất lượng, đạt được những thành tựu đáng kể. Hiện nay hầu hết các tỉnh đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù

chữ và phổ cập tiểu học, tuy nhiên vẫn còn những khó khăn trong việc phổ cập giáo dục như các vấn đề về dân tộc ít người, mức độ phát triển chênh lệch về kinh tế giữa các vùng, miền trên toàn quốc. Trong lĩnh vực giáo dục còn nhiều điều phải xem xét, điều chỉnh. Đội ngũ giáo viên còn thiếu hụt về số lượng, hạn chế về năng lực và trình độ, phương pháp giáo dục lạc hậu, phương tiện giảng dạy còn thiếu thốn. Chất lượng giáo dục - đào tạo đại trà ở các cấp học còn thấp. Học nặng về nhồi nhét, nặng lực tự học, độc lập sáng tạo của học sinh còn hạn chế. Trong thực tế luôn tồn tại kiểu học đối phó, đặc biệt là trong các kỳ thi; nạn học thêm tràn lan, học quá tải ảnh hưởng tới hứng thú học tập và sức khoẻ học sinh. Việc giáo dục tin học, ngoại ngữ còn chưa được chú trọng đúng mức, cũng bởi sự thiếu thốn phương tiện kỹ thuật. Phương pháp giảng dạy theo lối truyền thụ một chiều thụ động, dạy chay và ghi nhớ máy móc. Việc tổ chức thi cử, đánh giá kết quả vẫn còn nặng nề, thiếu hiệu quả. Những kinh nghiệm của Nhật Bản trong cải cách giáo dục đã đề cập ở trên có thể gọi mở cho chúng ta những suy nghĩ trong việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống giáo dục trên cả khía cạnh nội dung, phương pháp và thể chế quản lý.

Biên tập: Nguyễn Hương Giang

Tài liệu tham khảo chính

1. Richard Bowling và Peter Kornicki, *Bách khoa thư Nhật Bản - Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản, Hà Nội: 1995*
2. Nhật Bản ngày nay, *Hiệp hội quốc tế về thông tin giáo dục, Tokyo 1993.*
3. Yoshiohara, *Những xu hướng mới của giáo dục Nhật Bản, Nghiên cứu Nhật Bản số 1/1996*
4. Kandra Yoshinobu (Đại học Kagoshima Nhật Bản), *Vai trò của giáo dục với sự phát triển kinh tế Nhật Bản, Hội thảo quốc tế "30 năm quan hệ Nhật - Việt" ngày 11-12/9/2003*
5. Ngô Hương Lan, *Về tình hình giáo dục ở Nhật Bản hiện nay và những mục tiêu cải cách ở thế kỷ XXI.*